

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM LẠNG SƠN

NINH VĂN HUNG\*

Ngày nhận bài: 05/09/2016; ngày sửa chữa: 06/09/2016; ngày duyệt đăng: 10/10/2016.

**Abstract:** In recent years, teacher training towards competence approach in Lang Son College of Education has been interested based on the results of scientific research, labor demand and training experience. The article analyses situation of training teacher at Lang Son college of Education and proposes solution to train teachers towards competency approach to meet the requirements of education reform.

**Keywords:** Teacher training, competency approach, colleges of education.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT với quan điểm định hướng chỉ đạo: *Chuyển trọng tâm quá trình giáo dục (GD) từ chủ yếu trang bị kiến thức, kỹ năng (KN) sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực (NL) người học* [1] đã đặt ra vấn đề cấp bách trọng tâm đào tạo giáo viên (ĐTGV) ở các trường cao đẳng, đại học là: cần xây dựng các giải pháp hữu hiệu nhằm đổi mới phương thức đào tạo (ĐT) từ trang bị nội dung kiến thức, nghiệp vụ sư phạm sang phát triển phẩm chất và NL của người học, đặc biệt là NL khoa học và NL thích ứng với cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

## 1. Khái quát một số nét về quá trình ĐTGV ở Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Lạng Sơn

Trường CĐSP Lạng Sơn là trung tâm ĐTGV, cán bộ quản lý GD cho tỉnh Lạng Sơn từ bậc học mầm non, tiểu học đến trung học cơ sở (THCS). Hơn 10 năm qua, Trường CĐSP Lạng Sơn đã trực tiếp tham gia, cộng tác cùng với các dự án lớn liên quan đến các vấn đề ĐT như: Dự án Việt - Bỉ, Dự án ĐTGV THCS, Dự án phát triển giáo viên (GV) tiểu học. Đặc biệt, nhà trường đã nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của các chuyên gia chương trình Fulbright, Hội đồng Anh trong việc ĐT ngoại ngữ cho sinh viên (SV) của Trường. Ngoài ra, Nhà trường cũng tham gia thực hiện liên kết ĐT với các trường sư phạm của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, vì vậy chất lượng ĐTGV đã có những chuyển biến tích cực.

Từ trước tới nay, Trường CĐSP Lạng Sơn ĐTGV theo hướng tiếp cận mục tiêu, dạy học (DH) hướng

tới trau dồi tri thức, KN, kĩ xảo cho người học; trong đó chú trọng phát triển KN nghề nghiệp cho SV như: KN DH, GD, làm công tác chủ nhiệm lớp, thiết kế đồ dùng, thiết bị DH, nghiên cứu khoa học... Kết quả ĐT được khẳng định qua Hội thi nghiệp vụ sư phạm toàn quốc năm 2013 cũng như được nhiều trường phổ thông đánh giá cao trong các đợt thực tập sư phạm và sau khi SV tốt nghiệp. Vì vậy, việc chuyển sang ĐT theo hướng tiếp cận NL có những thuận lợi nhất định. Nhiều GV đã cập nhật những quan điểm mới trong nghiên cứu và thử nghiệm áp dụng trong ĐT, bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực.

## 2. Một số NL cần ĐT cho GV trong giai đoạn hiện nay

Trước đây, theo quan điểm DH tiếp cận mục tiêu, dạy học hướng tới phát triển tri thức, KN, kĩ xảo thì DH hiện nay hướng tới phát triển NL người học. Đây là quan điểm DH mang tính chất chiến lược, giúp người học thích ứng với yêu cầu đổi mới GD. DH theo hướng tiếp cận NL là bước đột phá trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, nhà trường cũng xác định rằng, muốn ĐT NL cần trang bị cho người học tri thức, KN, kĩ xảo cũng như chỉ ra điểm mạnh, hạn chế và chiều hướng phát triển của họ. Muốn vậy, mỗi nhà trường phải xác định được hệ thống các NL cần ĐT.

Theo tác giả Lê Văn Hồng [2], người thầy giáo cần có các NL sau: 1) *NL DH* (hiểu học sinh (HS) trong quá trình DH, tri thức và tầm hiểu biết, chế biến tài liệu học tập, nắm vững kĩ thuật DH, ngôn ngữ); 2) *NL GD* (xây dựng dự án phát triển nhân cách HS, giao tiếp sư

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn

phạm, cảm hoá HS, đối xử khéo léo sư phạm) và tổ chức các hoạt động sư phạm.

Theo tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc [3], cấu trúc chung của NL hành động được mô tả là sự kết hợp của 4 NL thành phần: chuyên môn, phương pháp, xã hội và cá nhân. Vì vậy, ĐTGV phổ thông, mầm non những NL cụ thể sau:

- *NL chuyên môn*: Có tri thức khoa học cơ bản, khoa học GD; trình độ hiểu biết chung; có KN thực hành chuyên môn (thí nghiệm, thực hành); có khả năng ứng dụng kiến thức chuyên môn trong giảng dạy, GD, nghiên cứu khoa học GD; đánh giá chuyên môn.

- *NL phương pháp*: Tự học, nghiên cứu khoa học, nghiệp vụ sư phạm (giảng dạy, GD, làm công tác chủ nhiệm lớp),...

- *NL xã hội*: Giao tiếp, ứng xử, làm việc hợp tác với đồng nghiệp, HS, cha mẹ HS, cộng đồng.

- *NL cá nhân*: Tự nhận thức, tự đánh giá về hoạt động nghề nghiệp; Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân; Đánh giá, hình thành các chuẩn mực giá trị, đạo đức và văn hóa cho bản thân.

Còn theo chuẩn yêu cầu nghề nghiệp về kiến thức, KN sư phạm thì NL nghề nghiệp của GV mầm non, GV tiểu học, GV THCS gồm: - NL tìm hiểu đối tượng và môi trường GD; - NL DH; - NL GD; - NL hoạt động chính trị, xã hội; - NL phát triển nghề nghiệp.

Vì vậy, xây dựng chương trình ĐTGV ở Trường CĐSP Lạng Sơn cần tập trung ĐT một số NL như: Tìm hiểu đối tượng và môi trường GD; DH; GD và làm công tác chủ nhiệm lớp; giao tiếp và ứng xử sư phạm; NL hoạt động chính trị xã hội và NL phát triển nghề nghiệp.

Mặt khác, NL được thể hiện ở 3 cấp độ [3]: - *Cấp độ I* (NL sơ cấp): Kiến thức thu nhận được qua xây dựng tình huống kiến thức (lí thuyết); - *Cấp độ II*: Áp dụng kiến thức giải thích được tình huống, NL được hình thành qua tình huống KN; - *Cấp độ III*: NL phức hợp, giải quyết tình huống thực tiễn. Vì vậy, Trường CĐSP cần tập trung ĐTGV từng NL cụ thể, gắn với tình huống; đặc biệt là tình huống KN và tình huống thực tiễn.

### **3. Một số giải pháp ĐTGV theo hướng tiếp cận NL ở Trường CĐSP Lạng Sơn**

Dựa trên kết quả khảo sát thực tiễn nhu cầu nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh (sau khi SV tốt nghiệp) cùng với thực tiễn ĐT, Trường CĐSP Lạng Sơn đã và đang thực hiện các giải pháp ĐTGV mầm non, tiểu học, THCS như sau:

#### **3.1. NL tìm hiểu đối tượng và môi trường GD.**

K.D.Usinxki đã khẳng định: “Muốn GD con người, trước hết phải hiểu con người về mọi mặt”. Vì vậy, để thực hiện tốt công tác DH và GD, SV đã được làm quen với môi trường GD phổ thông, mầm non trước khi đi thực tập sư phạm thông qua nghiên cứu học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, kiến thức thực tập (thực hành sư phạm, lồng ghép nội dung trong các học phần phương pháp DH, viết tiểu luận học phần theo hướng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, tham gia hoạt động ngoại khóa ở trường phổ thông, mời GV phổ thông đến trường sư phạm để trao đổi kinh nghiệm DH như: công nghệ tiếng Việt, mô hình VNEN, phương pháp bàn tay nặn bột. Dựa trên các hoạt động thực tế, SV nắm được đặc điểm tâm - sinh lí của HS theo lứa tuổi, đặc điểm tâm - sinh lí của HS miền núi, những khó khăn của nhà trường cũng như của HS miền núi, hình dung được bức tranh tổng quát về môi trường, công việc của GD phổ thông trong tương lai, những quy định về chuẩn nghề nghiệp.

**3.2. NL DH**: Đây là NL trụ cột của GV, gồm các NL sau đây:

- *NL chuyên môn*: kiến thức bộ môn và liên môn; KN thiết kế và sử dụng đồ dùng, thiết bị DH, thực hành, thí nghiệm chuyên môn. Kiến thức chuyên môn được thiết kế thành những đơn vị tương đối độc lập (module), tích hợp các môn học với nhau, theo hướng bổ dọc, tăng cường thực hành, thảo luận, tự học tự nghiên cứu. Nhà trường có chủ trương xây dựng, tập huấn, bổ sung kiến thức môn học thứ ba cho SV đã được ĐT 2 chuyên ngành, đảm bảo có thể giảng dạy liên môn sau khi tốt nghiệp.

- *NL xây dựng kế hoạch DH, kế hoạch bài học và từng hoạt động DH* thông qua học tập các học phần thực hành nghề nghiệp, tập huấn chuyên đề, hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch DH, kế hoạch bài học và từng hoạt động (cập nhật thực tế phổ thông, mầm non); hướng dẫn SV tìm hiểu đối tượng và nội dung DH; thiết kế phương pháp và hình thức tổ chức DH; dự kiến phương tiện, nguồn học liệu, điều kiện tổ chức, thời gian thực hiện; tình huống có thể xảy ra và phương thức đánh giá kết quả học tập (trong đó, chú trọng tập huấn cho SV KN thiết kế giáo án theo các hoạt động và KN viết mục tiêu DH cụ thể, tường minh, có thể đo lường được). Mục tiêu được xác định với các cấp độ khác nhau về kiến thức, KN và thái độ; gắn với KN sống của HS miền núi như: đảm bảo an toàn giao thông, giao tiếp, ứng xử, phòng tránh tệ nạn xã hội.

- *NL sử dụng phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức DH tích cực*. Với mục tiêu giảm bớt lí thuyết hàn lâm, tăng cường thực hành, thực tập, thực tế và

phát triển KN, ĐT NL, nhà trường chú trọng tạo điều kiện cho SV được làm việc hợp tác và thực hành nghề nghiệp. Bên cạnh các nội dung được thiết kế trong chương trình ĐT, tăng cường tổ chức tập huấn cho SV về phương pháp DH tích cực: DH theo dự án, DH hợp đồng, DH hợp tác, DH trải nghiệm sáng tạo, DH phân hóa, công nghệ DH, mô hình VNEN; KN, Kỹ thuật DH tích cực: khăn trải bàn, mảnh ghép, động não, sơ đồ tư duy, thiết kế và sử dụng bộ thí nghiệm, đồ dùng thiết bị DH; KN phản hồi mang tính xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin trong DH. Tập huấn thiết kế đồ chơi cho SV mầm non và luyện viết chữ đẹp cho SV tiểu học, DH tiếng Anh theo quan điểm giao tiếp; Tổ chức Hội thi “SV sáng tạo khoa học kĩ thuật và thiết kế đồ dùng, thiết bị DH”.

- *NL tổ chức và quản lí các hoạt động học tập của SV.* Trong lớp học hiện đại, GV phải đổi mới với lớp học đồng hoặc đối tượng là HS là người dân tộc thiểu số với vốn ngôn ngữ hạn chế, sự khác biệt về văn hóa. Vì vậy, SV được tham gia hội thảo về phong cách giảng dạy và sử dụng quyền lực DH để tổ chức và quản lí lớp học “Xây dựng KN DH và giải quyết vấn đề cho GV trong lớp học hiện đại”.

- *NL đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của SV.* Bên cạnh việc giảng dạy theo các phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập truyền thống, tập huấn kiểm định chất lượng GD, nhà trường hướng tới ĐT phương pháp đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí; đánh giá định lượng kết hợp với định tính; sử dụng phương pháp đánh giá quá trình như: thiết kế nhật kí giảng dạy, bảng kiểm, thang xếp hạng; xây dựng tiêu chí và phương pháp đánh giá sản phẩm thực hành, hồ sơ học tập; cách thức nhận xét hoạt động học tập và sự tiến bộ của người học; tư vấn về phương pháp học tập và rèn phương pháp tự đánh giá cho HS.

- *NL xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ DH.* Ngoài việc thiết kế và lưu trữ tài liệu theo phương pháp truyền thống, hướng dẫn SV sử dụng các phương tiện hỗ trợ để xây dựng, lưu trữ và chia sẻ nguồn học liệu thông qua internet, sử dụng các phần mềm để xây dựng giáo án điện tử, thiết kế, khai thác và sử dụng nguồn học liệu, xây dựng nhật kí giảng dạy.

Với mục tiêu ĐTGV theo hướng phát triển NL, việc bố trí các lớp học giữ vị trí quan trọng. Ở Trường CĐSP Lạng Sơn, một lớp học chuẩn với số lượng SV không quá 40, các phòng học có máy chiếu đa năng phục vụ tốt cho hoạt động học tập, bên cạnh đó, áp dụng phương pháp vi mô trong ĐT KN nghề nghiệp cho SV.

**3.3. NL GD và làm công tác chủ nhiệm lớp.** Chú trọng công tác quản lí và GD SV, nhà trường giao trọng trách cho Phòng Tổ chức - Công tác HSSV, Ban Quản lí kí túc xá (có SV tham gia), đội ngũ GV chủ nhiệm, cố vấn học tập, xây dựng đội tự quản. Mỗi tháng, GV chủ nhiệm có 2 tiết để sinh hoạt cùng lớp chủ nhiệm cũng như tổ chức các hoạt động GD toàn diện, tạo điều kiện để SV học tập từ đội ngũ quản sinh; - Giảng dạy các học phần Tâm lí học, GD học, Hoạt động GD ngoài giờ lên lớp; - Tham gia công tác Đội; thực hành sư phạm cũng như tập huấn cho SV một số KN sau: tìm hiểu, phân loại đối tượng GD; có KN giao tiếp và ứng xử sư phạm (giao tiếp bằng tiếng phổ thông và giao tiếp bằng tiếng dân tộc), cảm hóa HS; - Lập kế hoạch chủ nhiệm lớp, xây dựng tập thể HS, tổ chức các hoạt động GD đặc biệt là hoạt động GD ngoài giờ lên lớp; - Đánh giá kết quả toàn diện HS (xây dựng hồ sơ HS); có KN xác định giá trị bản thân, Phương pháp GD kỉ luật tích cực, GD KN sống cho HS...

**3.4. NL hoạt động chính trị, xã hội.** Đây là NL đặc biệt được quan tâm ở Trường CĐSP Lạng Sơn với tư cách là trường miền núi, biên giới. Việc nâng cao nhận thức cho SV là việc làm mang tính cốt lõi, có tác động mạnh đến SV. Các hoạt động Đoàn, Hội đặc biệt được quan tâm. Mỗi tháng, nhà trường đều có số phát thanh theo chủ đề, hướng về sự kiện chính trị, chào mừng các ngày lễ lớn do SV biên soạn và thực hiện. SV được tham gia viết bài dự thi, diễn đàn tư tưởng chính trị, tham gia hoạt động tình nguyện, hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao. Đặc biệt, lực lượng lớn SV là những diễn viên không chuyên, tham gia đồng diễn trong các sự kiện chính trị, xã hội của tỉnh, thành phố và nhà trường, giúp các em có nền tảng vững chắc trong các hoạt động. Trong các hội thi nghiệp vụ sư phạm thường niên cấp trường, SV tham gia hùng biện về các chủ đề đang được xã hội quan tâm như: đạo đức nhà giáo, văn hóa học đường, bảo vệ biên giới, biển đảo, an toàn giao thông... giúp người học phát triển tư duy phê phán trước các sự kiện chính trị, xã hội.

**3.5. NL phát triển nghề nghiệp.** Bên cạnh việc trang bị NL chuyên môn, nghiệp vụ, nhà trường còn chú trọng ĐT NL phát triển nghề nghiệp cho SV, tập huấn phương pháp học tập hiệu quả ở trường sư phạm theo quan điểm của A. DamKhoa, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học, viết tiểu luận học phần, tổ chức hội thảo, diễn đàn sinh hoạt học thuật, tham quan học tập. Hàng năm có khoảng hơn 70 lượt SV viết tiểu luận học phần. Bên cạnh đó, nhà trường còn tham gia ĐT tin học, ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Trung Quốc cho SV, đồng thời mở

các lớp ĐT văn bằng 2, liên thông, liên kết; tổ chức tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV ngay từ khi học tập ở trường sư phạm.

Để thực hiện được các giải pháp trên nhà trường đã chú trọng cập nhật tinh thần của các dự án, liên kết ĐT với các trường đại học, học viện trong và ngoài nước; đặc biệt chú trọng nghiên cứu khoa học GD, khoa học sư phạm ứng dụng. Từ năm 2010 đến nay, nhà trường đã nghiên cứu thành công 03 đề tài và đang tiến hành nghiên cứu 01 đề tài cấp tỉnh. Hàng năm có từ 3-7 đề tài cấp trường, với hơn 120 sản phẩm nghiên cứu cấp khoa, đa dạng hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học. Nội dung nghiên cứu mang tính cập nhật không chỉ tập trung ở trường sư phạm mà còn ở các trường phổ thông. Nhà trường đã nghiên cứu thành công đề tài cấp tỉnh “*Một số giải pháp nâng cao KN nghề nghiệp cho SV Trường CĐSP Lạng Sơn*” năm 2013; “*Xây dựng bộ thí nghiệm từ vật liệu quen thuộc nhằm góp phần nâng cao chất lượng DH môn Vật lí ở trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*” năm 2015 và triển khai nghiên cứu đề tài “*Giải pháp nâng cao chất lượng DH tiếng Anh theo hướng tiếp cận NL HS Trường THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*” năm 2016. Kết quả nghiên cứu đã đặt nền móng vững chắc trong việc phát triển chương trình ĐTGV theo hướng tiếp cận NL.

\*\*\*

ĐTGV theo hướng tiếp cận NL là một quan điểm mang tính chiến lược của mỗi quốc gia cũng như trong mỗi nhà trường. Với tư cách là cơ sở ĐTGV có chất lượng của tỉnh Lạng Sơn, đứng trước yêu cầu đổi mới GD, để thực hiện tốt “sứ mệnh” của mình, Trường CĐSP Lạng Sơn vừa phải cập nhật thực tế phổ thông vừa phải nghiên cứu đi trước, đón đầu đổi mới GD. Vì vậy, cần có sự quan tâm chỉ đạo, định hướng của Bộ GD-ĐT, sự trợ giúp của Sở GD-ĐT và liên kết, hợp tác của các Phòng GD-ĐT và các trường phổ thông ở địa phương. Đồng thời, nhà trường cần coi trọng công tác phát triển đội ngũ theo Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ; Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về đạo đức nhà giáo. Thực hiện tốt công tác ĐTGV theo phương châm *Nhân cách GD nhân cách, NL ĐT NL*. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp*

*hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

[2] Lê Văn Hồng (chủ biên, 1998). *Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm*. NXB Giáo dục

[3] Nguyễn Thị Mỹ Lộc. *Dạy học phát triển năng lực*. Tạp chí Quản lí giáo dục (Học viện Quản lí giáo dục), số đặc biệt tháng 4/2015.

[4] Bộ GD-ĐT. *Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non* (Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/1/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

[5] Bộ GD-ĐT. *Quy định về chuẩn giáo viên tiểu học* (Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/5/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

[6] Bộ GD-ĐT. *Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông* (Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2009/QĐ-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

---

## Một số giải pháp nhằm nâng cao...

(Tiếp theo trang 24)

thể được tiến hành thường xuyên trong các giờ học ở trên lớp. Sau mỗi nội dung kiến thức, cần có bài kiểm tra (bài viết hay bài test) ngay trên lớp để củng cố, ôn tập kiến thức cho SV.

### 3. Kết luận

Hoạt động tự học của SV có vai trò quan trọng trong quá trình dạy học ở trường đại học, nhất là trong quá trình đào tạo theo tín chỉ. Để nâng cao năng lực tự học của SV cần có sự tham gia đồng bộ của các yếu tố liên quan, như: vai trò của GV; tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV; các điều kiện cho hoạt động dạy học theo PTĐTTC được đảm bảo. Hi vọng qua một số giải pháp đề xuất trên đây sẽ nâng cao năng lực tự học của SV, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo môn *Toán B* ở Trường Đại học Vinh. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Lê Viết Ngự - Phan Văn Danh - Nguyễn Đình - Lê Văn Hạp - Nguyễn Hoàng (1998). *Toán cao cấp* (tập 2, tập 3). NXB Giáo dục.

[2] Nguyễn Sum - Ngô Sỹ Tùng - Nguyễn Văn Giám - Mai Quý Năm - Nguyễn Hữu Quang (1998). *Toán cao cấp* (tập 1). NXB Giáo dục.

[3] Nguyễn Đình Trí - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (1999). *Toán cao cấp* (tập 1, 2, 3). NXB Giáo dục.

[4] Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức (1994). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Nguyễn Bá Kim (2004). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.